

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:146/2019/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn** : Chị Nguyễn Thị Huyền T.

Địa chỉ: Phố 7, thị trấn Y, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn** : Anh Nguyễn Tiến M.

Địa chỉ: Phố 7, thị trấn Y, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ các Điều 55; 58; 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 18 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Tiến M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con: Giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Huyền T được chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi và Giao cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2013 cho anh Nguyễn Tiến M được chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi. Vì mỗi bên nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và không ai được cản trở việc thăm nom con chung.

Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Tiến M không có con riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Nguyễn Tiến M không có tài sản chung, tài sản riêng; về công nợ, đất nông nghiệp không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật đ- ọc khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002122 ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Huyền T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi gửi :

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- THA DS huyện Yên Khánh.
- UBNDTT Y.
- Dương sự
- L- uhồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Hữu Ý